

## CÁCH DIỄN ĐẠT “DỄ BỊ ẢNH HƯỞNG/NHẠY CẢM”

Cách cách diễn đạt “*có xu hướng*”, chúng ta đã khá quen với những gương mặt như là “**tend to/ have a tendency to/ to be inclined to/ to be prone to/ are (more) likely to/ show proclivity for**”. Ngày hôm nay các bạn học thêm 1 cách diễn đạt mới “*có xu hướng dễ bị tổn thương vì điều gì*”(thường tiêu cực)

(1) “**More susceptible to**”: hay có nguy cơ, dễ bị gì đó, nhấn mạnh vào xác suất xảy ra.

1. **Vietnamese:** Người già thường có thể trở nên dễ bị trầm cảm nếu không có sự chăm sóc và quan tâm đặc biệt. (dùng "**more susceptible to**") (depression)  
=> **English:**
2. **Vietnamese:** Những người thiếu ngủ thường có khả năng cao hơn để mắc các bệnh liên quan đến tim mạch. (dùng "**more susceptible to**") (gợi ý dùng kiểu cấu trúc A-related B)  
=> **English:**
3. **Vietnamese:** Học sinh thường trở nên dễ bị stress hơn khi đối mặt với áp lực từ các kỳ thi quan trọng. (dùng "**more susceptible to**")  
=> **English:**
4. **Vietnamese:** Những người không có kỹ năng quản lý thời gian có thể trở nên dễ bị chi phối bởi lịch trình từ công việc và vật lộn trong việc cân bằng cuộc sống. (dùng "**more susceptible to**")  
=> **English:**
5. **Vietnamese:** Người dân ở các khu vực ô nhiễm không khí thường trở nên dễ bị ảnh hưởng sức khỏe hơn so với những người ở nơi không ô nhiễm. (dùng "**more susceptible to**") (dùng tiền tố **non**)  
=> **English:**

(2) **Cụm từ “vulnerable to”**: dễ bị nguy cơ xấu nào đó, dễ bị tấn công do yếu đuối, do bị suy yếu, thiếu khả năng tự vệ trước sự tấn công nào đó, nhấn mạnh do có điểm yếu nên dễ bị tấn công vào.

1. Vietnamese: Người trẻ thường dễ bị ảnh hưởng bởi áp lực từ trường học và xã hội. (dùng "**vulnerable to**")  
=> **English:**
2. Vietnamese: Những người thiếu kiến thức về an ninh mạng có thể trở nên dễ bị tấn công từ các hacker và virus máy tính. (dùng "**vulnerable to**") (dùng **cybersecurity**)  
=> **English:**
3. Vietnamese: Người già thường dễ bị tổn thương nếu không có sự chăm sóc và quan tâm đặc biệt. (dùng "**vulnerable to**")  
=> **English:**
4. Vietnamese: Những người đang đối diện với căng thẳng tinh thần có thể trở nên dễ bị ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần. (dùng "**vulnerable to**")  
=> **English:**
5. Vietnamese: Trẻ em có thể trở nên dễ bị tổn thương nếu không được bảo vệ đủ trong môi trường xã hội. (dùng "**vulnerable to**") (dùng **adequate/ adequately**)  
=> **English:**